

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2020/HS-ST

Ngày 12 - 5 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nhiều

Ông Phạm Đức Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Viết Thiện, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 05 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 20/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc T, sinh ngày 05 tháng 11 năm 1989 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn X, xã VĐ, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Quang Tr và bà Phạm Thị Ng; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 132/2012/HSST ngày 13 tháng 8 năm 2012 Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29 tháng 02 năm 2012 về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự; Bản án số 72/2017 ngày 18 tháng 5 năm 2017 Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt

09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08 tháng 02 năm 2017 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự; bị bắt, tạm giữ từ ngày 13 tháng 12 năm 2019 đến ngày 19 tháng 12 năm 2019 chuyển tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Đ, xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

- **Người làm chứng:** Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn H, xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

- **Người chứng kiến:**

1. Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn Bồn Thôn, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

2. Ông Trần Văn H, sinh năm 1950; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 13 tháng 12 năm 2019, Phạm Ngọc T đi xe mô tô đến khu vực cầu TĐ, thuộc địa phận xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình, gặp và mua của một người đàn ông khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ, 1.500.000 đồng được 01 túi ma túy đá, mục đích để bán kiếm lời. Mua xong, T mang túi ma túy đá về phòng riêng của T tại nhà ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1969, địa chỉ ở thôn L, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình (bố nuôi của T) chia thành 06 túi nhỏ. Chia xong, T cho 05 túi nhỏ vào trong hộp đựng kính màu đen (kính thuốc Thế Nghĩa) rồi cất giấu dưới đệm cuối giường, 01 túi còn lại T cất giấu trong người, mục đích nếu ai hỏi mua thì bán. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, khi T đang ở nhà ông Đ thì Nguyễn Văn Đ và Bùi Văn Đ đến đứng ở cổng, Đ gọi T ra và nói: “*Anh bán cho em túi này*” (ý hỏi mua túi ma túy đá giá 500.000 đồng) và đưa cho T 500.000 đồng (gồm 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng). T nhận tiền cho vào túi quần bên phải phía

trước đang mặc rồi lấy túi ma túy đá đang cất giấu trong người đưa cho Đ. Khi Đ nhận túi ma túy đá cho vào túi quần bên phải phía trước đang mặc thì bị tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình phát hiện, bắt quả tang. Trước sự chứng kiến của anh Bùi Văn Đ, ông Trần Văn H, tổ công tác thu giữ tại túi quần bên phải phía trước Đ đang mặc 01 túi nilon trong suốt có mép cài, bên trong chứa chất dạng tinh thể trong suốt (được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1), Đ khai đó là ma túy đá, Đ vừa mua của T với giá 500.000 đồng; thu giữ tại túi quần bên phải phía trước T đang mặc số tiền 500.000 đồng (gồm 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng), T khai đó là số tiền T vừa bán ma túy cho Đ mà có. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tạm giữ đồ, vật tài liệu và niêm phong vật chứng gửi giám định.

Cùng ngày, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình ra lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Ngọc T tại thôn L, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Qua khám xét, tổ công tác đã phát hiện, thu giữ: Tại ngăn kéo tủ nhựa đựng quần áo 20 vỏ túi nilon trong suốt có mép viền, kích thước mỗi vỏ túi (3 x 4)cm và 10 ống hút bằng nhựa các màu; thu tại dưới đệm cuối giường 01 hộp đựng kính màu đen (kính thuốc Thế Nghĩa) bên trong có 05 túi nilon trong suốt có mép cài viền, bên trong các túi đều chứa chất dạng tinh thể trong suốt (được niêm phong trong phong bì ký hiệu M2) và 20 vỏ túi nilon có mép viền, 01 cân điện tử màu đen; thu giữ tại ngăn dưới tủ quần áo 01 bình sử dụng ma túy đá tự chế vỏ bằng nhựa cứng trong suốt và 01 vỏ hộp kẹo Coolair bên trong có 01 túi nilon trong suốt, kích thước (3 x 6)cm, bên trong chứa chất dạng tinh thể trong suốt (được niêm phong trong phong bì ký hiệu M3). Toàn bộ 06 túi nilon bên trong chứa chất dạng tinh thể trong suốt được niêm phong trong phong bì M2, M3, T khai đó là ma túy đá, T mua hai lần của một người đàn ông khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ, ở khu vực cầu TĐ, thuộc địa phận xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình, mục đích để bán kiếm lời. Lần thứ nhất, T mua vào thời điểm trước ngày bị bắt khoảng một tuần, số tiền 1.000.000 đồng được 01 túi ma túy đá, sau đó mang về giấu trong ngăn tủ quần áo, chưa kịp chia nhỏ (M3). Lần thứ

hai, T mua vào ngày 13 tháng 12 năm 2019, số tiền 1.500.000 đồng được 01 túi ma túy đá, về chia nhỏ để bán và bị bắt quả tang (M2).

Tại Kết luận giám định số 452/KLGD-PC09 ngày 14 tháng 12 năm 2019, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận:

Mẫu vật gửi giám định (phong bì M1) là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0292 gam (không phải không nghìn hai trăm chín mươi hai gam).

Mẫu vật gửi giám định (phong bì M2) là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,7355 gam (không phải bảy nghìn ba trăm năm mươi lăm gam).

Mẫu vật gửi giám định (phong bì M3) là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,8832 gam (không phải tám nghìn tám trăm ba mươi hai gam).

Methamphetamine STT: 323, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ

Cáo trạng số 15/CT-VKSVT ngày 18 tháng 3 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình để xét xử đối với Phạm Ngọc T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Phạm Ngọc T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu; đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Phạm Ngọc T mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bắt, tạm giữ. Áp dụng khoản 2, 3 Điều 35, khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung Phạm Ngọc T với mức từ 05 triệu đồng đến 07 triệu đồng để sung ngân sách nhà nước. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn trả sau giám định được niêm phong trong 03 phong bì số 452/KLGD-PC09, 01 bình sử dụng ma túy đá vỏ bằng chai nhựa có nắp màu đỏ, 10 ống hút nhựa các màu, 40 vỏ túi nilon trong suốt, 01 cân điện tử màu đen và 01 hộp đựng kính màu đen (kính thuốc Thế Nghĩa); Tịch thu sung ngân sách nhà

nước số tiền 500.000 đồng bị cáo thu lợi từ hành vi phạm tội mà có. Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phạm Ngọc T đồng ý với tội danh Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo Phạm Ngọc T nói lời sau cùng: Bị cáo biết việc làm của mình là sai, là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo yên tâm cải tạo, sửa chữa lỗi lầm, sớm trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, Phạm Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng, kết luận giám định, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, lời khai người làm chứng, người chứng kiến và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ ngày 13 tháng 12 năm 2019 tại khu vực trước cổng nhà ông Phạm Văn Đ ở thôn L, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình, Phạm Ngọc T có hành vi bán trái phép 01 túi ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0292 gam cho Nguyễn Văn Đ với giá 500.000 đồng. Ngoài ra, Phạm Ngọc T còn tàng trữ trái phép trong phòng riêng của T tại nhà ông Phạm Văn Đ 06 túi ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 1,6187 gam, mục đích để bán lại kiếm lời.

Hành vi trên của Phạm Ngọc T đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[3] Theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự, thì: *“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”*.

[4] Đánh giá về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của nhà nước. Ma túy là một tệ nạn của xã hội, gây tác hại không lường cho sức khỏe, trí tuệ, nhân cách của con người và là nguyên nhân làm phát sinh, gia tăng các loại tội phạm, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, trật tự và trị an xã hội. Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù biết rõ tác hại của ma túy cũng như mức độ nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vì hám lời nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm, hành vi của bị cáo đã tiếp tay cho các đối tượng nghiện ma túy, gieo rắc tệ nạn ma túy trong xã hội.

[5] Đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thấy: Phạm Ngọc T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo do đó được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thấy: Trong các năm 2012, 2017 Phạm Ngọc T đã hai lần bị kết án, theo quy định của pháp luật các bản án trên đều đã được xóa án tích nhưng cần đánh giá bị cáo có nhân thân không tốt, bị cáo đã không tiếp thu sự giáo dục của pháp luật, không lấy đó làm bài học nghiêm túc cải tạo bản thân, sau khi chấp hành xong hình phạt tù về địa phương, bị cáo tiếp tục phạm tội mới, do vậy Hội đồng xét xử cần phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo, góp phần phòng chống tội phạm chung.

[7] Khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức*

vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Xét thấy bị cáo có hành vi mua bán trái phép chất ma túy để kiếm lời, do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với mức 5.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng: Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Số ma túy thu giữ trong vụ án được hoàn trả sau giám định là vật thuộc loại nhà nước cấm tàng trữ, mua bán; 01 bình sử dụng ma túy đá vỏ bằng chai nhựa có nắp màu đỏ, 10 ống hút nhựa các màu, 40 vỏ túi nilon trong suốt, 01 cân điện tử màu đen và 01 hộp đựng kính màu đen (kính thuốc Thế Nghĩa), là công cụ bị cáo dùng để sử dụng, đựng và cân ma túy, do đó cần tịch thu tiêu hủy. Số tiền 500.000 đồng quản lý của Phạm Ngọc T là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu để sung ngân sách nhà nước.

[9] Về các vấn đề khác:

[9.1] Về nguồn gốc số ma túy, Phạm Ngọc T khai mua của một người đàn ông khoảng 40 tuổi, không quen biết, tại khu vực cầu TĐ thuộc địa phận xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình nên cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[9.2] Nguyễn Văn Đ có hành vi mua 0,0292 gam Methamphetamine của Phạm Ngọc T để sử dụng cho bản thân. Xét thấy, Đ chưa bị xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, chưa bị kết án một trong các tội về ma túy, trọng lượng ma túy tàng trữ chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo là đúng pháp luật.

[9.3] Bùi Văn Đ là bạn của Nguyễn Văn Đ, ngày 13 tháng 12 năm 2019, Đ cùng Đ đến chỗ ở của Phạm Ngọc T nhưng Đ không biết mục đích của Đ đến nhà T để mua ma túy nên cơ quan điều tra không có biện pháp xử lý là đúng pháp luật.

[9.4] Đối với ông Phạm Văn Đ, quá trình điều tra xác định Phạm Ngọc T và ông Đ tự nhận quan hệ con nuôi, bố nuôi nên từ tháng 9 năm 2019 T chuyển đến nhà ông Đ ở và được ông Đ cho ở một phòng riêng. Việc T mua ma túy về

bán và cất giấu trong phòng ở, ông Đ và gia đình không biết nên cơ quan điều tra không có biện pháp xử lý là đúng pháp luật.

[10] Bị cáo Phạm Ngọc T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Bị cáo Phạm Ngọc T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

2.1. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giam (ngày 13 tháng 12 năm 2019).

2.2. Phạt tiền bị cáo Phạm Ngọc T 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.1. Tịch thu số ma túy thu giữ của Phạm Ngọc T hoàn trả sau giám định được niêm phong trong 03 phong bì số 452/KLGD-PC09 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Thái Bình và 01 bình sử dụng ma túy đá vỏ bằng chai nhựa, nắp màu đỏ, 10 ống hút nhựa các màu, 40 vỏ túi nilon trong suốt, 01 cân điện tử màu đen, 01 hộp đựng kính màu đen (kính thuốc Thế Nghĩa) để tiêu hủy.

3.2. Tịch thu số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước. Số tiền trên được niêm phong trong 01 phong bì mặt trước ghi “Vật chứng thu giữ trên người Phạm Ngọc T, SN 1989, chỗ ở: Thôn L, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình”.

(Các vật chứng trên đã được chuyển đến cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình theo Biên bản giao, nhận vật chứng đề ngày 19 tháng 3 năm 2020)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Ngọc T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo Phạm Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án (ngày 12 tháng 5 năm 2020). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo và những người TGGT khác;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra và Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Nhà tạm giữ/Trại tạm giam Công an Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương